

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC HIỂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2021/DS-ST

Ngày: 19-03-2021

“V/v tranh chấp tiền hụi”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HIỂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoàng Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Minh T1
2. Ông Huỳnh Minh Chiến.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Lợi là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Phạm Tấn Nửa – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 03 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm C khai vụ án thụ lý số: 149/2020/TLST-DS ngày 20 tháng 11 năm 2020 về việc: *“Tranh chấp tiền hụi”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2021/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2021/QĐST-DS ngày 25 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Chiến T, sinh năm 1962.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Nguyễn Phi C, sinh năm 1987. (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp Cái Hoăng, xã Đất Mũi, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Ông Lê Minh T1, sinh năm 1973. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Cái Hoăng, xã Đất Mũi, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:**

Vào năm 2016, ông Lê Minh T1 mở hụi nhằm mục đích hùn vốn phát triển kinh tế hộ gia đình ở địa phương, ông T tham gia vô hụi cụ thể như sau:

- Dây hụi 2.000.000 đồng, gồm 42 chung, hụi tháng khai 02 lần vào ngày 15 và 30 hàng tháng, ông T vô 02 chung, đến ngày 12/5/2017 ông T1 tuyên bố bỏ hụi,

tính đến ngày đình hui thì ông T đóng được 22 kỳ x 1.000.000 đồng x 02 chung hui = 44.000.000 đồng.

- Dây hui 500.000 đồng, gồm 52 chung, hui tháng khui 02 lần vào ngày 15 và 30 hàng tháng, ông T vô 01 chung, đến ngày 12/5/2017 ông T1 tuyên bố bẻ hui, tính đến ngày đình hui thì ông T đóng được 32 kỳ x 500.000 đồng x 01 chung hui = 16.000.000 đồng.

Tổng số tiền hui mà ông T1 còn nợ tính trên giá trị đầu hui là 60.000.000 đồng.

Vào ngày 12/5/2017 thì ông T và ông T1 gặp nhau để thỏa thuận, thì ông T1 đã viết giấy thỏa thuận còn nợ ông T số tiền hui là 60.000.000 đồng, thỏa thuận thời gian trả, tuy nhiên đến nay ông T1 vẫn không thực hiện theo thỏa thuận.

Nay ông T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Minh T1 trả số tiền hui là 60.000.000 đồng. Ngoài ra, ông T không yêu cầu gì khác.

* Ông Lê Minh T1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, C khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông T1 không có văn bản nộp cho Tòa án trình bày ý kiến của mình về việc ông T yêu cầu thanh toán tiền hui, cũng không tham gia phiên họp và hòa giải.

** Tại phiên tòa:*

- Anh Nguyễn Phi C đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết buộc ông Lê Minh T1 trả cho ông Nguyễn Chiến T số tiền hui còn nợ là 60.000.000 đồng. Ngoài ra, không còn yêu cầu gì khác.

- Ông Lê Minh T1 vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về thủ tục tố tụng trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử và đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T, buộc ông T1 trả cho ông T số tiền hui là 60.000.000 đồng; Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông T1 phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Lê Minh T1 đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần 2, nhưng ông T1 vẫn vắng mặt không lý do; Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt đối với ông Lê Minh T1.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông T yêu cầu ông T1 cư trú tại: ấp Cái Hoăng – xã Đất Mũi – huyện Ngọc Hiển trả số tiền hui còn nợ. Như vậy, quan hệ tranh chấp trong vụ án được xác định là “Tranh chấp tiền hui”

thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiến được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 471 của Bộ luật Dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Xét yêu cầu của ông Nguyễn Chiến T: Vào năm 2016 ông Lê Minh T1 làm chủ hội tại địa phương, với mục đích là hùn vốn phát triển kinh tế của hộ gia đình, phía ông T đã tham gia vào 02 chung hội 1.000.000 đồng và 01 chung hội 500.000 đồng, sau một thời gian đóng hội, thì đến ngày 12/5/2017 ông T1 tuyên bố đình hội và viết giấy thỏa thuận hẹn trả tiền hội, nhưng ông T1 vẫn không thực hiện; nay ông T yêu cầu ông T1 trả số tiền hội là 60.000.000 đồng.

Căn cứ vào tất cả tài liệu, chứng cứ thể hiện trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Việc ông T1 có làm chủ hội và còn nợ ông T số tiền hội là 60.000.000 đồng là thực tế xảy ra, bởi lẽ ông T1 có viết giấy thỏa thuận thể hiện số tiền hội còn nợ, thỏa thuận thời gian trả và trực tiếp ký tên vào giấy thỏa thuận.

- Tại giấy thỏa thuận được ông Nguyễn Văn Á đại diện chính quyền địa phương ký chứng kiến xác nhận. Tòa án tiến hành làm việc đối với ông Á thì được khẳng định việc ông Á có chứng kiến và ký trong giấy thỏa thuận do ông Lê Minh T1 ký là đúng sự thật.

- Đối với ông Lê Minh T1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp và phiên hòa giải nhưng ông không có văn bản trình bày ý kiến của mình về việc ông T khởi kiện. Do đó, ông T1 phải chịu hậu quả của việc không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ để bảo vệ quyền lợi của mình được quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Chiến T, buộc ông Lê Minh T1 phải có trách nhiệm thanh toán cho ông T số tiền hội là 60.000.000 đồng.

Trường hợp ông T1 chậm thanh toán số tiền nêu trên, thì còn phải chịu tiền lãi theo quy định của pháp luật.

[3.2] Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Buộc ông Lê Minh T1 phải chịu án phí với số tiền = 60.000.000 đồng x 5% = 3.000.000 đồng nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiến.

- Do yêu cầu khởi kiện của ông T được chấp nhận toàn bộ, nên ông T được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.
- Điều 471 của Bộ luật Dân sự.
- Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Chiến T đối với ông Lê Minh T1 về việc thanh toán tiền hụi.

Buộc ông Lê Minh T1 phải có trách nhiệm thanh toán cho ông Nguyễn Chiến T số tiền hụi là 60.000.000 đồng.

Ngoài ra, kể từ ngày ông T có đơn yêu cầu thi hành án, trường hợp ông T1 chậm thanh toán số tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi với mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thanh toán tại thời điểm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc ông Lê Minh T1 phải chịu án phí với số tiền là 3.000.000 đồng, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiển.

- Phần ông Nguyễn Chiến T nộp tạm ứng án phí với số tiền là 1.500.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006416 ngày 20 tháng 11 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiển, ông T được nhận lại toàn bộ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Ngọc Hiền;
- Chi cục THADS huyện Ngọc Hiền;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký**

Trần Hoàng Tuấn